

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Kiên Giang.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 12/TTr-SNNPTNT ngày 08/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *Đạt*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh (Đảng, CQ, ĐT và DNNN);
- LĐVP, Phòng: KTCN, KTTH, TH;
- Lưu: VT, tvhung.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Anh Nhị



PHỤ LỤC

Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Kiên Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 101/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Số TT	Tên sản phẩm	ĐV tính	Diện tích, quy mô	Sản lượng (tấn)	Địa bàn sản xuất chính
1	Cây Lúa	Ha	350.000	4.300.000	Các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu, U Minh Thượng.
2	Cây Khóm	Ha	8.000	117.000	Châu Thành, Gò Quao, Vĩnh Thuận
3	Cây Tiêu	Ha	1.000	2.000	Phú Quốc, Hà Tiên, Gò Quao
4	Cây Chuối	Ha	1.000	35.000	Huyện U Minh Thượng
5	Heo	Con	350.000	35.000	Các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu
6	Gà	Con	2.500.000	2.500	Các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu
7	Vịt	Con	3.000.000	3.000	Các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu
8	Tôm sú	Ha	104.500	42.150	Các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên và vùng U Minh Thượng
9	Tôm thẻ chân trắng	Lượt Ha	3.000	24.000	Các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên và vùng U Minh Thượng
10	Tôm càng xanh	Lượt Ha	18.000	9.850	Các huyện vùng U Minh Thượng, Gò Quao
11	Cua	Ha	65.000	19.000	An Biên, An Minh
12	Cá đồng	Ha	36.000	60.000	Các huyện vùng U Minh Thượng và Tây sông Hậu
13	Cá biển	Ha		80.000	Các huyện, thành phố ven biển và hải đảo
14	Sò huyết	Lượt Ha	8.500	17.500	Huyện An Minh, An Biên
15	Sò lông	Lượt Ha	5.000	22.000	Huyện Kiên Lương
16	Mực			73.000	Các huyện, thành phố ven biển và hải đảo